

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GK1 – LỚP 10
Tỉ lệ: 5:2:3 (Tương ứng với 32 lệnh hỏi: 20B-8H-4VD)

CHỦ ĐỀ	BÀI	THÀNH PHẦN NĂNG LỰC HOÁ HỌC								
		Nhận thức hoá học			Tìm hiểu TGTN dưới góc độ hoá học			Vận dụng KT, KN đã học		
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
	Nhập môn hóa học	P1,C1 (HH1.1.)						P1,C2 (HH.3.1)		
Cấu tạo nguyên tử	Các thành phần của nguyên tử	P1,C3 (HH1.1.) P1,C4 (HH1.2.) P2,C1a (HH.1.2)	P1,C18 (HH1.4.)	P3, C2a (HH1.6)	P1,C5 (HH2.1.)					
	Nguyên tố hoá học	P1,C7 (HH1.1.) P1,C8 (HH1.2.)	P1,C17 (HH.1.3)	P2,C1d (HH.1.6) P3, C1a (HH1.6)	P2,C1b (HH.2.2)			P1,C6 (HH3.1.) P1,C13 (HH3.1.)		
	Cấu trúc lớp vỏ electron nguyên tử	P1,C11 (HH1.2.)	P2,C1c (HH.1.3)		P1,C9 (HH2.1.) P1,C12 (HH2.1.)	P1,C19 (HH2.2.)		P1,C10 (HH3.1.)	P3, C2b (HH3.3)	
Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	P2,C2a (HH.1.1) P1,C16 (HH1.1.) P1,C15 (HH2.1.)	P1,C20 (HH1.5.) P2,C2c (HH.1.4)		P1,C14 (HH.2.1) P2,C2b (HH.2.1)		P2,C2d (HH.2.2)		P3, C1b (HH3.3)	

Nội	PHẦN I	PHẦN II	PHẦN III	YCCĐ
-----	--------	---------	----------	------

dung KT	(20 câu) (16B-4H)	(2 câu – 8 lệnh) (4B-2H-2VD)	(2 câu) (1H-1VD)	
Nhập môn hóa học (2t)	P1- C1 - Biết			- Nêu được đối tượng nghiên cứu của hoá học.
	P1- C2 - Biết			- Trình bày được phương pháp học tập và nghiên cứu hoá học.
Cấu tạo nguyên tử (11t)	P1- C3,4 - Biết	P2 - C1.a - Biết. C1.b - Biết. C1.c - Hiểu. C1.d – VD.	P3 - C2a - VD.	- Nêu được vai trò của hoá học đối với đời sống, sản xuất,...
	P1- C5,6 - Biết			- Trình bày được thành phần của nguyên tử (nguyên tử vô cùng nhỏ; nguyên tử gồm 2 phần: hạt nhân và lớp vỏ nguyên tử; hạt nhân tạo nên bởi các hạt proton (p), neutron (n); Lớp vỏ tạo nên bởi các electron (e); điện tích, khối lượng mỗi loại hạt).
	P1- C7,8 - Biết			- Trình bày được khái niệm về nguyên tố hoá học, số hiệu nguyên tử và kí hiệu nguyên tử.
	P1 - C17 - Hiểu			- Phát biểu được khái niệm đồng vị, nguyên tử khối.
	P1- C9 - Biết		P3 - C1a - VD. P3 - C2b - Hiểu.	- So sánh được khối lượng của electron với proton và neutron, kích thước của hạt nhân với kích thước nguyên tử.
	P1- C10 - Biết			- Trình bày và so sánh được mô hình của Rutherford – Bohr với mô hình hiện đại mô tả sự chuyển động của electron trong nguyên tử.
	P1- C11, 12 - Biết			- Nêu được khái niệm về orbital nguyên tử (AO), mô tả được hình dạng của AO (s, p), số lượng electron trong 1 AO.
	P1- C13 - Biết P1- C18 - Hiểu P1- C19 - Hiểu			- Trình bày được khái niệm lớp, phân lớp electron.
				- Tính được nguyên tử khối trung bình (theo amu) dựa vào khối lượng nguyên tử và phần trăm số nguyên tử của các đồng vị theo phổ khối lượng được cung cấp.
Cấu tạo bảng tuần hoàn các	P1- C14 - Biết	P2- C2.a - Biết. C2.b - Biết. C2.c - Hiểu. C2.d - VD.	P3 - C1b - Hiểu.	- Mối quan hệ về số lượng phân lớp trong một lớp. Liên hệ được về số lượng AO trong một phân lớp, trong một lớp.
	P1- C15 - Biết			- Viết được cấu hình electron nguyên tử theo lớp, phân lớp electron và theo ô orbital khi biết số hiệu nguyên tử Z của 20 nguyên tố đầu tiên trong bảng tuần hoàn. - Dựa vào đặc điểm cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử dự đoán được tính chất hoá học cơ bản (kim loại hay phi kim) của nguyên tố tương ứng.
				- Nêu được về lịch sử phát minh định luật tuần hoàn và bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.
				- Mô tả được cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học và nêu được các khái niệm liên quan (ô, chu kì, nhóm).

	P1- C16 - Biết P1- C20 - Hiểu			- Nêu được nguyên tắc sắp xếp của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (dựa theo cấu hình electron). - Phân loại được nguyên tố (dựa theo cấu hình electron: nguyên tố s, p, d, f; dựa theo tính chất hoá học: kim loại, phi kim, khí hiếm).
Tổng	0,25đ/câu Tổng 5đ	(0,1/0,25/0,5/1)/câu Tổng 2đ	1,5đ/câu Tổng 3đ	